

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12-12-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền

2. Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Sĩ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 326/2025/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. *Có đơn xin vắng mặt.*

2. *Bị đơn:* Ông Trần Quốc T, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 25/9/2025, bản tự khai ngày 20/11/2025 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết N trình bày:

Bà và ông Trần Quốc T tiến tới hôn nhân là do quen biết và tự nguyện. Sau đó, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 05/10/2016. Kết hôn xong cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc thời gian dài, tuy nhiên thời gian sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình,

vợ chồng không còn tin tưởng nhau dẫn đến cuộc sống ngày càng bất hòa, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà và ông Trần Quốc T không còn sống chung với nhau một khoảng thời gian nhưng hai bên không có hàn gắn tình cảm. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng dành cho ông Trần Quốc T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quốc T. Bà không yêu cầu ông Trần Quốc T cấp dưỡng cho bà khi ly hôn.

Về con chung: bà và ông Trần Quốc T có 01 người con chung tên Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 28/02/2017, hiện nay đang sống chung với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông Trần Quốc T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trần Quốc T vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 25/9/2025, Tòa án nhận đơn khởi kiện nhưng đến ngày 15/10/2025, Tòa án thông báo đương sự nộp tiền tạm ứng án phí là chưa đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 191 và khoản 1 Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Tòa án; các Điều 8, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Tuyết N, cụ thể:

Về hôn nhân: bà Trần Thị Tuyết N được ly hôn với ông Trần Quốc T. Bà Nhung không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

Về con chung: giao cháu Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 28/02/2017 cho bà Nhung trực tiếp nuôi dưỡng, ông Thanh không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Án phí: đây là tranh chấp về ly hôn và yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên bà N chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí nên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006021 ngày 16/10/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Trần Quốc T đăng ký thường trú tại xã T, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 26/6/2025).

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Tuyết N và ông Trần Quốc T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng, bà Trần Thị Tuyết N và ông Trần Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, hôn nhân của bà Trần Thị Tuyết N và ông Trần Quốc T đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều

kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của bà Trần Thị Tuyết N cho rằng, quá trình sống chung giữa bà và ông Trần Quốc T có hạnh phúc một thời gian, sau đó thì không còn hạnh phúc do có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và đã không còn sống chung với nhau một khoảng thời gian nhưng không có hàn gắn tình cảm.

Đối với ông Trần Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử. Như vậy, có cơ sở xác định ông Trần Quốc T không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng với bà Trần Thị Tuyết N. Qua kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa bà Trần Thị Tuyết N và ông Trần Quốc T đối với bà Phùng Thị T là mẹ đẻ của ông T cho thấy lời trình bày của bà Trần Thị Tuyết N về mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà Nhung và ông Thanh là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Tuyết N đối với ông Trần Quốc T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn, do bà Trần Thị Tuyết N không yêu cầu và không ghi nhận được ý kiến của ông Trần Quốc T nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: bà Trần Thị Tuyết N và ông Trần Quốc T có con chung là Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 28/02/2017. Con chung hiện đang sống chung với bà N và bà N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Thấy rằng, từ khi bà N và ông T không còn sống chung thì bà Nhung là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Mỹ T. Quá trình giải quyết vụ án ông Thanh không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con chung của bà N. Xét thấy, bà Trần Thị Tuyết N có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy cháu Trần Thị Mỹ T để cháu phát triển tốt về mọi mặt. Vì vậy, giao con chung cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp nhằm bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con chung và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Tuyết N trình bày không yêu cầu giải quyết, đối với ông Trần Quốc T không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Trần Thị Tuyết N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, đối với ông Trần Quốc T không có lời trình bày nên không xem xét

giải quyết.

[7] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên bà Trần Thị Tuyết N phải nộp án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[8] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 26/6/2025).

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Tuyết N đối với ông Trần Quốc T. Bà Trần Thị Tuyết N được ly hôn với ông Trần Quốc T.

Bà Trần Thị Tuyết N không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 28/02/2017 cho bà Trần Thị Tuyết N được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Trần Thị Tuyết N không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về chia tài sản chung: Bà Trần Thị Tuyết N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Trần Quốc T không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Tuyết N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Trần Quốc T không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà Trần Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006021 ngày 16/10/2025 của Thi hành dân sự tỉnh Vĩnh Long. Án phí đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được thông đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND xã T, tỉnh Vĩnh Long
(nơi đăng ký kết hôn);
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 thuộc
THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Tú